Mẫu 4.6

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Cử nhân
Ngành/chuyên ngành: Quản lý nhà nước
Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
1.2. Mã học phần: RME0031
1.3. Số tín chỉ: 2
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 30 tiết
+ Nghe giảng lý thuyết: 23 tiết
+ Thảo luận: 10 tiết
+ Kiểm tra: 02 tiết
- Thời gian tự học: 60 giờ

1.4. Loại học phần (bắt buộc/lựa chọn): Bắt buộc
1.5. Điều kiện tham gia học phần:
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

1.6. Các giảng viên phụ trách HP:
- Giảng viên phụ trách chính:
- Các giảng viên cùng giảng dạy:

2. Mô tả học phần *(vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)*

Phương pháp tiếp cận khoa học trong quản lý TN&MT là học phần 2 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khoa học và phân loại khoa học, cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học, lôgic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học, vấn đề đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học

Mục tiêu học phần (Course Objectives– COs)

(Mục tiêu của học phần, thể hiện sự tương quan với các chủ đề CĐR của CTĐT (PLOs) và trình độ năng lực được phân bố cho học phần)

Mục tiêu (COs)	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CĐR của CTĐT (PLOs)	Trình độ năng lực
CO1	- Trang bị cho người học các khái niệm về khoa học, nghiên cứu khoa học, công nghệ và chuyển giao công nghệ, các bước cơ bản trong tiếp cận và nghiên cứu khoa học; phương pháp luận và phương pháp cụ thể được áp dụng trong nghiên cứu khoa học; cách thức phát hiện vấn đề nghiên cứu, nắm được các yêu cầu cơ bản cho một nghiên cứu khoa học.	PLO1	3/6
CO2	- Phát hiện ra vấn đề cần nghiên cứu của một tình huống cụ thể, nhận biết và chọn lựa được loại hình nghiên cứu phù hợp cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.	PLO5	3/5
CO3	- Xây dựng được đề xuất nghiên cứu cho một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể trong lĩnh vực Tài nguyên & Môi trường.	PLO6	4/5
CO4	- Thiết kế và xây dựng được nội dung khung logic trong nghiên cứu khoa học. - Viết báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu một đề tài thuộc chuyên ngành phù hợp.	PLO7	3/5
CO5	- Năng động, sáng tạo, cẩn thận, chính xác, khoa học, trung thực, nghiêm túc, khách quan. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, khả năng làm việc nhóm, năng lực tự chịu trách nhiệm và làm việc theo pháp luật.	PLO11, 12	4/5

3. Chuẩn đầu ra học phần (CourseLearningOutcomes – CLOs)

Bảng 1.Chuẩn đầu ra học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Quản lý nhà nước

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Phương pháp nghiên cứu khoa học			CLOs Phương pháp nghiên cứu khoa học				
Ký hiệu	**Mô tả**	**Trình độ năng lực**	**Ký hiệu**	**Mô tả**	**Mức độ giảng dạy (I,T,U)**	**Trình độ năng lực**	**Chương HP đảm nhận**
PLO1 (1.1.1)	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	3/6	CLO 1 [1.1.1.1]	Trình bày được khái niệm, làm rõ đặc điểm khoa học và hoạt động nghiên cứu khoc học; khái niệm, nhiệm vụ và nguyên tắc của khoa học công nghệ, hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ; phân biệt được sự khác nhau giữa khoa học và công nghệ.	I, T	3/6	Chương 1,2
			CLO 2 [1.1.1.2]	Giải thích được cơ chế phát hiện và con đường hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học, lựa chọn phương pháp phù hợp áp dụng cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.	I, T	3/6	Chương 2,3
			CLO 3 [1.1.1.3]	Khái quát trình tự xây dựng và làm rõ nội dung của khung logic nghiên cứu, cấu trúc, nội dung của đề xuất nghiên	T, U	3/6	Chương 3,4

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Phương pháp nghiên cứu khoa học			CLOs Phương pháp nghiên cứu khoa học				
				cứu khoa học và báo cáo khoa học.			
PLO5 (2.1.1)	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	CLO 4 (2.1.1.1)	Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.	T, U	3/5	Chương 1,2,3,4
PLO6 (2.1.2)	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.		CLO 5 (2.1.2.1)	Phát hiện ra vấn đề cần nghiên cứu của một tình huống cụ thể, nhận biết và chọn lựa được loại hình nghiên cứu phù hợp cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.	T, U	4/5	Chương 1,2,3,4
PLO7 (2.1.3)	Sử dụng ngoại ngữ vào giao tiếp thông thường và công việc chuyên		CLO 6 (2.1.2.2	Xây dựng khung logic trong nghiên cứu khoa học. Xây dựng được đề xuất nghiên cứu	T, U	3/5	Chương 1,2,3,4

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Phương pháp nghiên cứu khoa học			CLOs Phương pháp nghiên cứu khoa học				
	môn. Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cho người Việt Nam hoặc tương đương theo Điều 3 của Quyết định số 58/QĐ-ĐHTĐ ngày 3/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.		)	cho một vấn đề cụ thể. Xây dựng báo cáo thuyết minh và báo cáo tóm tắt kết quả về một vấn đề nghiên cứu khoa học chuyên ngành.			
PLO11 (3.1)	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	3/5	CLO7 [3.1.1]	Có tính năng động, tự chủ, sáng tạo và cẩn thận, chính xác, khoa học, khách quan, trung thực, nghiêm túc.	I, T, U	4/5	Chương 1,2,3,4

PLOs Quản lý nhà nước phân nhiệm cho HP Phương pháp nghiên cứu khoa học			CLOs Phương pháp nghiên cứu khoa học				
PLO12 (3.2)	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	3/5	CLO8 [3.2.1]	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, khả năng làm việc nhóm, năng lực tự chịu trách nhiệm và làm việc theo pháp luật.	I, T, U	4/5	Chương 1,2,3,4

-

Mức độ giảng dạy: *I (Introduce): Giớithiệu; T (Teach): dạy;U (Utilize): Sửdụng.*

- ***Ký hiệu CĐR***:

1. Nhóm CĐR về kiến thức:1.1 - Kiến thức chung; 1.2 - Kiến thức chuyên ngành;

2. Nhóm CĐR về kỹ năng: 2.1 - Kỹ năng chung; 2.2 - Kỹ năng nghề nghiệp;

3. Nhóm CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 3.1 - Năng lực tự chủ; 3.2 - Tự chịu trách nhiệm.

Bảng 2. Ma trận đóng góp của các bài giảng của các chương cho việc đạt CĐR học phần

PLOs được phân nhiệm	PLO1			PLO5	PLO6	PLO7	PLO11, 12	
CLOs	Kiến thức chung			Kỹ năng chung			Tự chủ, trách nhiệm	
	1	2	3	4	5	6	7	8
Bài giảng	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[1.1.1.3]	[2.1.2.1]	[2.1.2.2]	[3.1.1]	[3.2.1]	[3.2.2]

Chương 1	x			x	x	x	x	x
Chương 2		x	x	x	x	x	x	x
Chương 3		x	x	x	x	x	x	x
Chương 4			x	x	x	x	x	x

4. Đánh giá học phần *(các thành phần,các bài đánh giá và tỉ lệ đánh giá,thể hiện sự tương quan với các CĐR của học phần)*

Bảng 3. Đánh giá học phần

Thành phần Đánh giá	**Bài đánh giá**	**CĐR học phần được đánh giá** (CLOs)	**Trọng số (tỉ lệ%)**	**Hình thức đánh giá**	**Thời điểm đánh giá**
A1. Đánh giá quá trình			**50**		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			*20*		
Sự chuyên cần	A1.1.1. Tham gia đầy đủ giờ lên lớp lý thuyết và thực hành theo quy định	CLO6,7,8	10	Điểm danh	Thường xuyên
Thái độ học tập	A1.1.2. Thực hiện tích cực các hoạt động trên lớp	CLO5	10	Tham gia phát biểu, thảo luận	Thường xuyên
A1.2. Kiểm tra định kỳ			*30*		
	A1.2.1.Bài kiểm tra 1	CLO1,2,3,4	30	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Cuối chương 1
	A1.2.2.Bài kiểm tra 2			Bài kiểm tra trắc nghiệm	Cuối chương 2
A2. Đánh giá cuối kì			**50**		
	Trắc nghiệm, Tự luận	CLO1,2,3,4	50	Trắc nghiệm, Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT

Bảng 4. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CĐR học phần

CLOs	Kiến thức chung				Kỹ năng chung	Tự chủ, trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8
Bài giảng	[1.1.1.1]	[1.1.1.2]	[1.1.1.3]	[1.1.1.4]	[2.1.1.1]	[3.1.1]	[3.2.1]	[3.2.2]
A1.1					x	x	X	x
A1.2	x	x	x	x				
A2	x	x	x	x				

5. Nội dung và kế hoạch giảng dạy (các nội dung giảng dạy lí thuyết và thực hành thể hiện sự tương quan với các CĐR và các bài đánh giá học phần)

Bảng 4. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/ TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Chương 1. Khái niệm về khoa học, nghiên cứu khoa học và công nghệ 1.1. Khái niệm chung về khoa học 1.2. Sự phát triển của khoa học 1.3. Nghiên cứu khoa học 1.4. Khái niệm kỹ thuật, công nghệ và chuyển giao công nghệ 1.5. Nhiệm vụ, nguyên tắc của hoạt động khoa học và công nghệ	**05**	CLO1,4,5,6,7,8	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2
	Chương 2. Tiếp cận khoa học	**8**	CLO2,4,5,6,7,8	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/ TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	2.1. Cơ chế phát hiện ý tưởng nghiên cứu khoa học 2.2. Con đường hình thành ý tưởng nghiên cứu 2.3. Xác định nhu cầu nghiên cứu ưu tiên 2.4. Vấn đề nghiên cứu khoa học 2.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2.6. Cơ chế sáng tạo khoa học 2.7. Kỹ năng nghiên cứu khoa học 2.8. Nghiên cứu theo nhóm ***Bài kiểm tra số 1***		CLO1,2,3,4,5,6,7,8	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép. Đọc và chuẩn bị bài ở nhà, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2
	Chương 3. Xây dựng khung logic trong nghiên cứu khoa học 3.1. Hướng dẫn xây dựng khung logic 3.2. Tiến trình logic phát triển giải pháp/phương pháp nghiên cứu cụ thể và xác định nguồn lực nghiên cứu		CLO1,2,3,4,5,6,7,8	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép. Đọc và chuẩn bị bài ở nhà, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2

TT	Các nội dung cơ bản của Chương mục	Số tiết (LT/ TH)	Đáp ứng CĐR nào của HP (CLO)	PP giảng dạy	Hoạt động học của SV	Bài đánh giá
	Bài thi giữa học phần					
	Chương 4. Cấu trúc chung và cách viết một đề xuất, đề cương nghiên cứu, báo cáo kết quả nghiên cứu 4.1. Viết đề xuất nghiên cứu 4.2. Cấu trúc báo cáo khoa học 4.3. Cấu trúc khóa luận, báo cáo tốt nghiệp ***Bài kiểm tra số 2***		CLO1,2,3,4,5,6,7,8	Thuyết trình, trao đổi, thảo luận	Nghe giảng, ghi chép. Đọc và chuẩn bị bài ở nhà, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	A1.1 A1.2 A2

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Dương Văn Tiển	2010	*Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*.	NXB Xây Dựng, Hà Nội.
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Phương Kỳ Sơn	2010	*Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học*.	NXB Chính trị Quốc Gia.

Bảng 6. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	Số lượng	
1	Giảng đường nhà A, B	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Chương 1, 2, 3,

9. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%

Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (introduction, bodyand conclusion)	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%

Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Rubric 3:Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	**Mức độ đạt chuẩn quy định**					**Trọng số**
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%

Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm)	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thưởng xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

4. Đánh giá kiểm tra viết *(Written Exam):*Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

5. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm *(Multiple choice exam)*: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.